

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-PT.

Ngày: 15/03/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuần
2. Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngô Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/DS - PT ngày 19/01/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐ-PT ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Quách Thị T – sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 19 PĐ, Thị trấn K, huyện N, Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Y L Niê – sinh năm 1985 (có mặt) và bà H' S Niê (vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện N, Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Trương Thị Ý N, chị Trương Thị Kiều O và anh Trương Tất L (Cùng vắng mặt).

Địa chỉ: Số 19 PĐ, Thị trấn K, huyện N, Đắk Lắk.

4. *Người kháng cáo:* Ông Y L Niê và bà H' S Niê, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu khởi kiện theo trình bày của nguyên đơn bà Quách Thị T có nội dung như sau:

Vào ngày 19/7/2019 bà và chồng là ông Trương C cho vợ chồng ông bà Y L Niê - H' S Niê vay số tiền là 405.000.000đ (Bốn trăm linh năm triệu đồng), thời hạn vay là 07 ngày, hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất là 2.000.000đ/405.000.000đ/7 ngày. Khi vay tiền ông Y L và bà H' S đã ký nhận vào hợp đồng vay tiền và bà đã giao đủ số tiền 405.000.000đ cho vợ chồng ông Y L.

Khi đến hạn trả nợ bà đã yêu cầu nhiều lần, nhưng cho đến nay ông Y L và bà H' S mới chỉ trả được 75.000.000đ tiền nợ gốc, cụ thể; Ngày 19/01/2020 trả 30.000.000đ; ngày 07/3/2020 trả 20.000.000đ; 01 lần trả 20.000.000đ và 01 lần trả 5.000.000đ nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Số nợ gốc còn lại là 330.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho đến nay ông Y L và bà H' S vẫn chưa trả cho bà, mặc dù đã quá hạn và bà đã yêu cầu nhiều lần.

Hiện nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Y L Niê và bà H' S Niê phải trả cho bà tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 420.860.000đ, bao gồm: Nợ gốc 330.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là: 90.860.000đ (330.000.000đ x 1%/tháng x 27 tháng 16 ngày = 90.860.000đ), đồng thời tiếp tục tính lãi suất 1%/tháng đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

Ý kiến trình bày của bị đơn ông Y L Niê và bà H' S Niê trình bày:

Ông công nhận vào ngày 19/07/2019 ông và vợ là bà H' S Niê có vay của bà Quách Thị T số tiền 405.000.000đ, hai bên có thỏa thuận về lãi suất, hẹn đến ngày 28/7/2019 sẽ trả nợ gốc và lãi. Khi vay ông và vợ đã ký vào hợp đồng vay tiền.

Tuy nhiên hiện nay ông và vợ đã thanh toán xong nợ cho bà T và không còn nợ bà T nữa. Ông cam kết sẽ cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ về việc đã trả nợ cho bà T, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày làm bản tự khai.

Sau khi làm bản tự khai thì ông Y L không tiếp tục đến Tòa án để làm việc và cung không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 110/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị T.

Buộc ông Y L Niê và bà H' S Niê phải trả cho bà Quách Thị T số tiền nợ 420.860.000đ, bao gồm: Nợ gốc 330.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là: 90.860.000đ,

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2021, ông Y L Niê và bà H' S Niê có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: ông bà đã trả hết nợ cho bà Quách Thị T kèm theo các giấy tờ chứng minh cho việc trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Quách Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Y L Niê và bà H' S Niê vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định ông Y L Niê và bà H' S Niê đã vay của ông Trương C (chồng bà T đã chết) và bà Quách Thị T số tiền là 405.000.000đ, nhưng chỉ mới trả được 75.000.000đ, còn nợ lại 330.000.000đ. Bản án sơ thẩm buộc ông Y L Niê và bà H' S Niê phải trả cho bà Quách Thị T số tiền gốc là 330.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị đơn ông Y L Niê và bà H' S Niê cho rằng đã trả hết nợ và xuất trình 03 giấy nhận tiền với nội dung ông Hoàng Văn L là người ủy quyền của bà Quách Thị T ở số nhà 143 MH có nhận của ông Y L tổng số tiền 320.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ qua xác minh tại chính quyền địa phương ở số nhà 143 MH, phường T, thành phố B từ trước đến nay không có ai tên Hoàng Văn L sinh sống, mặt khác trong các giấy nhận tiền cũng không có chữ ký của người tên L, không được công chứng chứng thực theo đúng quy định, cũng không có giấy tờ nào thể hiện ông L được sự ủy quyền từ bà T để nhận tiền từ ông Y L. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Y L Niê và bà H' S Niê, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với đồng bị đơn bà H' S Niê đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt thì coi như từ bỏ quyền kháng cáo, nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà; đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Ý N, chị Trương Thị Kiều O và anh Trương Tất L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vào ngày 19/7/2019 bà Quách Thị T có cho vợ chồng ông Y L Niê, bà H' S Niê vay số tiền vay số tiền là 405.000.000đ, trong đó bị đơn đã trả được 75.000.000đ, còn lại số tiền 330.000.000 đồng chưa trả. Bị đơn ông Y L Niê, bà H' S Niê cho rằng đã trả hết nợ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng

cứ chứng minh, vợ chồng ông Y L cố tình vắng mặt không xuất trình chứng cứ ở cấp sơ thẩm, khi kháng cáo thì xuất trình bản phô tô, tại phiên tòa phúc thẩm lần 2 mới có mặt. Đối với 03 giấy nhận tiền bản phô tô mà ông Y L cung cấp, qua xác minh đối với địa chỉ tại số 143 MH, phường T, thành phố B không có ai tên Hoàng Văn L sinh sống tại đây, số điện thoại trong giấy nhận tiền cũng không phải của người tên là Hoàng Văn L, trong giấy nhận tiền cũng không có chữ ký của người tên L, nên không có giá trị pháp lý, không có chứng cứ chứng minh bà T có ủy quyền cho người tên L nhận tiền của ông Y L nên không có căn cứ để chứng minh ông Y L Niê đã trả cho bà T số tiền còn nợ. Do đó, kháng cáo của ông Y L Niê, bà H' S Niê là không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông Y L Niê không được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H' S Niê nên ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, người kháng cáo là người dân tộc thiểu số, đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông Y L Niê và bà H' S Niê là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Y L Niê, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự;
Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H' S Niê.

+ Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị T.

Buộc ông Y L Niê và bà H' S Niê phải trả cho bà Quách Thị T số tiền nợ 420.860.000đ (bao gồm: Nợ gốc 330.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là: 90.860.000đ).

Tiếp tục tính lãi suất theo Điều 468 Bộ luật dân sự từ ngày 17/11/2021 (ngày tuyên án sơ thẩm) cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí: Ông Y L Niê và bà H' S Niê được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết